

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Chỉ số theo dõi, đánh giá kết quả
cải cách hành chính của Tổng cục Hải quan

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Quyết định số 65/2015/QĐ-TTg ngày 17/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 280/QĐ-BTC ngày 06/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Chỉ số theo dõi, đánh giá kết quả cải cách hành chính của Bộ Tài chính;

Căn cứ Chỉ thị số 02/CT-BTC ngày 03/7/2018 Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cải cách hành chính trong lĩnh vực tài chính;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Tổng cục Hải quan,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chỉ số theo dõi, đánh giá kết quả cải cách hành chính của Tổng cục Hải quan (sau đây viết tắt là Chỉ số cải cách hành chính) tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi: Đánh giá kết quả cải cách hành chính hàng năm của các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan.

2. Đối tượng áp dụng gồm 03 khối như sau:

a) Khối Cục Hải quan gồm 35 Cục Hải quan tỉnh, thành phố.

b) Khối Cục trực thuộc Tổng cục Hải quan gồm 08 đơn vị: Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan; Cục Điều tra chống buôn lậu; Cục Giám sát quản lý về hải quan; Cục Kiểm định hải quan; Cục Kiểm tra sau thông quan; Cục Quản lý rủi ro; Cục Tài vụ quản trị; Cục Thuế xuất nhập khẩu.

c) Khối Vụ thuộc Tổng cục Hải quan gồm 05 đơn vị: Vụ Pháp chế; Vụ Hợp tác quốc tế; Vụ Thanh tra kiểm tra; Vụ Tổ chức cán bộ; Ban Cải cách hiện đại hóa hải quan.

Điều 3. Kết cấu của Chỉ số cải cách hành chính và thang điểm đánh giá

1. Chỉ số cải cách hành chính của Tổng cục Hải quan được xác định trên 07 lĩnh vực, đánh giá với từng khối như sau:

a) Khối Cục Hải quan tỉnh, thành phố được đánh giá trên 07 lĩnh vực, 36 tiêu chí, 71 tiêu chí thành phần, thang điểm 90 điểm.

b) Khối Cục trực thuộc Tổng cục Hải quan được đánh giá trên 07 lĩnh vực, 32 tiêu chí, 62 tiêu chí thành phần, thang điểm 70 điểm.

c) Khối Vụ thuộc Tổng cục Hải quan được đánh giá trên 07 lĩnh vực, 22 tiêu chí, 38 tiêu chí thành phần, thang điểm 50 điểm.

2. Các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số cải cách hành chính theo các nhóm được quy định cụ thể tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

3. Từng tiêu chí thành phần được hướng dẫn cách chấm điểm cụ thể tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

4. Hệ số quy đổi giữa các khối về thang điểm 100 như sau: Đối với Cục Hải quan tỉnh, thành phố là $K1 = 10/9$, đối với Cục trực thuộc Tổng cục Hải quan là $K2 = 10/7$, đối với Vụ thuộc Tổng cục Hải quan là $K3 = 10/5$. Trên cơ sở hệ số quy đổi sẽ tính điểm của từng đơn vị trong các khối về thang điểm 100.

Điều 4. Phương pháp đánh giá, chấm điểm và công bố kết quả Chỉ số cải cách hành chính

1. Tự đánh giá của đơn vị:

Căn cứ kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính của năm đánh giá chấm điểm, các đơn vị tự đánh giá và chấm điểm theo các tiêu chí thành phần được quy định trong Chỉ số cải cách hành chính, kèm theo tài liệu kiểm chứng và gửi kết quả tự chấm điểm, tài liệu kiểm chứng về Văn phòng Tổng cục để gửi các đơn vị thẩm định chuyên môn trước khi tổng hợp báo cáo Hội đồng Thẩm định Chỉ số cải cách hành chính của Tổng cục Hải quan.

2. Thẩm định chuyên môn:

a) Văn phòng Tổng cục chủ trì chấm thẩm định điểm tự chấm của các đơn vị đối với 02 lĩnh vực: Công tác chỉ đạo, điều hành; Cải cách thủ tục hành chính.

b) Vụ Pháp chế chủ trì chấm thẩm định điểm tự chấm của các đơn vị đối với 01 lĩnh vực: Xây dựng và thực hiện thể chế thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của đơn vị.

c) Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì chấm thẩm định điểm tự chấm của các đơn vị đối với 02 lĩnh vực: Cải cách tổ chức bộ máy hành chính của đơn vị; Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức.

d) Cục Tài vụ quản trị chủ trì chấm thẩm định điểm tự chấm của các đơn vị đối với 01 lĩnh vực: Cải cách tài chính công của đơn vị.



đ) Cục Công nghệ thông tin và thống kê hải quan chủ trì chấm thẩm định điểm tự chấm của các đơn vị đối với 01 lĩnh vực: Hiện đại hóa hành chính.

Các đơn vị có các tiêu chí thành phần thuộc phạm vi, chức năng quản lý của đơn mình (ghi tại Phụ lục II) nhưng không được giao chủ trì chấm thẩm định lĩnh vực có tiêu chí thành phần đó có trách nhiệm cung cấp tài liệu kiểm chứng cho đơn vị chủ trì chấm thẩm định.

Đơn vị chủ trì chấm thẩm định chịu trách nhiệm về kết quả chấm thẩm định trước Hội đồng Thẩm định Chỉ số cải cách hành chính của Tổng cục Hải quan. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, các đơn vị chủ trì chấm thẩm định chuyên môn gửi kết quả thẩm định về Văn phòng Tổng cục để tổng hợp báo cáo Hội đồng Thẩm định Chỉ số cải cách hành chính của Tổng cục Hải quan.

3. Hội đồng Thẩm định Chỉ số cải cách hành chính của Tổng cục Hải quan do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan thành lập với thành phần bao gồm: 01 Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan là Chủ tịch Hội đồng, Chánh Văn phòng Tổng cục là Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng, đại diện lãnh đạo các đơn vị thẩm định chuyên môn là Ủy viên Hội đồng. Phòng Tổng hợp (Bộ phận cải cách hành chính) thuộc Văn phòng Tổng cục là Tổ giúp việc Hội đồng.

Hàng năm, Hội đồng Thẩm định Chỉ số cải cách hành chính của Tổng cục Hải quan tổ chức họp hoặc gửi phiếu lấy ý kiến các thành viên Hội đồng về kết quả thẩm định chuyên môn của các đơn vị theo phân công tại Khoản 2 Điều này để thông qua kết quả chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính của từng đơn vị; xác định xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính của đơn vị theo từng khối và xếp hạng chỉ số cải cách hành chính của tất cả các đơn vị thuộc đối tượng đánh giá chấm điểm sau khi đã nhân hệ số quy đổi giữa các khối; trình Tổng cục Hải quan phê duyệt và công bố kết quả Chỉ số cải cách hành chính.

Thành viên Hội đồng thẩm định, Tổ giúp việc tổ chức họp thẩm định được áp dụng mức chi cho tổ chức họp về cải cách hành chính theo quy định.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Các đơn vị thuộc đối tượng tự đánh giá quy định tại Khoản 2 Điều 2 Quyết định này có trách nhiệm tổng hợp số liệu, xây dựng báo cáo kết quả tự đánh giá Chỉ số cải cách hành chính của đơn vị theo kế hoạch chấm điểm chỉ số cải cách hành chính hàng năm của Tổng cục Hải quan gửi Văn phòng Tổng cục để tổng hợp báo cáo Hội đồng Thẩm định.

2. Các đơn vị chủ trì chấm thẩm định chuyên môn quy định tại Khoản 2 Điều 4 Quyết định này có trách nhiệm chấm thẩm định chuyên môn và báo cáo kết quả thẩm định về Hội đồng Thẩm định (qua Văn phòng Tổng cục).

3. Vụ Tổ chức cán bộ căn cứ kết quả xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính hàng năm của các đơn vị, đánh giá chung vào kết quả thi đua của các đơn vị để báo cáo Hội đồng Thi đua khen thưởng Tổng cục Hải quan; không xét tặng danh

hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân thực hiện chưa tốt nhiệm vụ cải cách hành chính.

4. Văn phòng Tổng cục có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị triển khai đánh giá chấm điểm theo các lĩnh vực thuộc Chỉ số cải cách hành chính trong Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này;

b) Hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị thẩm định chuyên môn theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Quyết định này; tổng hợp kết quả chấm thẩm định để báo cáo Hội đồng Thẩm định Chỉ số cải cách hành chính của Tổng cục Hải quan;

c) Trình Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quyết định thành lập Hội đồng Thẩm định Chỉ số cải cách hành chính của Tổng cục Hải quan và Tổ giúp việc Hội đồng Thẩm định;

d) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan công bố kết quả Chỉ số cải cách hành chính hàng năm của các đơn vị sau khi được Tổng cục Hải quan phê duyệt;

đ) Chủ trì tổng hợp ý kiến của các đơn vị và thực hiện đánh giá quá trình triển khai áp dụng Chỉ số cải cách hành chính hàng năm để báo cáo Tổng cục Hải quan để điều chỉnh, bổ sung hoàn thiện (nếu có).

5. Thời gian thực hiện:

a) Từ năm 2019 trở đi, triển khai áp dụng Chỉ số cải cách hành chính hàng năm trong ngành Hải quan.

b) Hội đồng Thẩm định Chỉ số cải cách hành chính hoàn thành xác định điểm, kết quả xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính của các đơn vị trình Tổng cục Hải quan phê duyệt trước ngày 30/6 hàng năm.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 7. Chánh Văn phòng Tổng cục Hải quan, Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /:tb

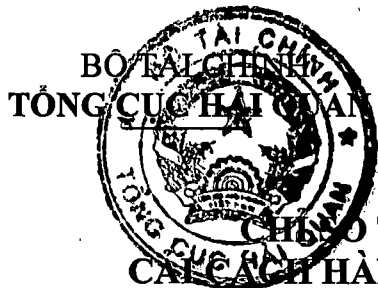
Nơi nhận:

- Như Điều 7 (để thực hiện);
- Văn phòng Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Lãnh đạo Tổng cục Hải quan (để chỉ đạo);
- Lưu: VT, VP. *m*

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Dương Thái



BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

Phụ lục I

CHỈ SỐ THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ
CÁC CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA TỔNG CỤC HẢI QUAN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TCHQ ngày 24 / 5 /2019
của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Đơn vị đánh giá			Ghi chú
			Cục Hải quan tỉnh, thành phố	Cục trực thuộc Tổng cục Hải quan	Vụ thuộc Tổng cục Hải quan	
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH	17	17	17	17	
1.1	Kế hoạch công tác CCHC hàng năm	3	3	3	3	
1.1.1	Ban hành Kế hoạch CCHC	1	x	x	x	
1.1.2	Kế hoạch xác định đầy đủ, cụ thể các nhiệm vụ, sản phẩm, đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp, tiến độ thực hiện	1	x	x	x	
1.1.3	Mức độ thực hiện Kế hoạch CCHC hàng năm	1	x	x	x	
1.2	Báo cáo định kỳ công tác CCHC	1	1	1	1	
1.2.1	Nội dung báo cáo	0,5	x	x	x	
1.2.2	Thời hạn báo cáo	0,5	x	x	x	
1.3	Kiểm tra công tác CCHC	3	3	3	3	
1.3.1	Ban hành Kế hoạch kiểm tra	1	x	x	x	
1.3.2	Mức độ thực hiện Kế hoạch kiểm tra	1	x	x	x	
1.3.3	Xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề bất cập được phát hiện qua kiểm tra	1	x	x	x	
1.4	Tuyên truyền công tác CCHC	1	1	1	1	
1.4.1	Mức độ thực hiện tuyên truyền công tác CCHC	1	x	x	x	
1.5	Sự năng động trong chỉ đạo, điều hành công tác CCHC	2	2	2	2	

th

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Đơn vị đánh giá			Ghi chú
			Cục Hải quan tỉnh, thành phố	Cục trực thuộc Tổng cục Hải quan	Vụ thuộc Tổng cục Hải quan	
1.5.1	Gắn kết quả thực hiện công tác CCHC với công tác thi đua, khen thưởng	1	x	x	x	
1.5.2	Sáng kiến trong triển khai công tác CCHC	1	x	x	x	
1.6	Chỉ đạo, điều hành công tác CCHC	1	1	1	1	
1.6.1	Bố trí cán bộ, công chức làm đầu mối thực hiện nhiệm vụ CCHC, kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC) và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia	0,5	x	x	x	
1.6.2	Ban hành văn bản chỉ đạo, điều hành công tác CCHC của đơn vị	0,5	x	x	x	
1.7	Thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	2	2	2	2	
1.7.1	Mức độ thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	2	x	x	x	
1.8	Thực hiện các nhiệm vụ được Bộ Tài chính giao	2	2	2	2	
1.8.1	Mức độ thực hiện các nhiệm vụ được Bộ Tài chính giao	2	x	x	x	
1.9	Thực hiện các nhiệm vụ được Tổng cục Hải quan giao	2	2	2	2	
1.9.1	Mức độ thực hiện các nhiệm vụ được Tổng cục Hải quan giao	2	x	x	x	
2	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN THỂ CHẾ THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA ĐƠN VỊ	12	7	8	8	
2.1	Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của đơn vị	4	0	4	4	
2.1.1	Mức độ thực hiện Kế hoạch xây dựng văn bản QPPL hàng năm	3		x	x	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Đơn vị đánh giá			Ghi chú
			Cục Hải quan tỉnh, thành phố	Cục trực thuộc Tổng cục Hải quan	Vụ thuộc Tổng cục Hải quan	
2.1.2	Thực hiện quy trình xây dựng văn bản QPPL	1		x	x	
2.2	Công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa, pháp điển, hợp nhất, theo dõi tình hình thi hành văn bản QPPL	1	0	1	1	
2.2.1	Mức độ thực hiện công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa, pháp điển, hợp nhất, theo dõi tình hình thi hành văn bản QPPL	1		x	x	
2.3	Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật	3	3	3	3	
2.3.1	Ban hành Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật	1	x	x	x	
2.3.2	Mức độ thực hiện Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật	2	x	x	x	
2.4	Thanh tra việc chấp hành chính sách, pháp luật chuyên ngành	4	4	0	0	
2.4.1	Xây dựng Kế hoạch thanh tra chuyên ngành hàng năm	1	x			
2.4.2	Mức độ thực hiện Kế hoạch thanh tra chuyên ngành hàng năm	2	x			
2.4.3	Xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề bất cập được phát hiện qua thanh tra chuyên ngành	1	x			
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	19	13	13	3	
3.1	Xây dựng quy định về TTHC	3	0	3	3	
3.1.1	Đảm bảo yêu cầu của việc quy định TTHC	1		x	x	
3.1.2	Đánh giá tác động của TTHC trong đề nghị xây dựng văn bản QPPL và trong dự án, dự thảo văn bản QPPL	1		x	x	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Đơn vị đánh giá			Ghi chú
			Cục Hải quan tỉnh, thành phố	Cục trực thuộc Tổng cục Hải quan	Vụ thuộc Tổng cục Hải quan	
3.1.3	Lấy ý kiến Văn phòng Tổng cục đối với kết quả đánh giá tác động của TTHC trong đề nghị xây dựng văn bản QPPL và trong dự án, dự thảo văn bản QPPL	1		x	x	
3.2	Giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp	8	6	6	0	
3.2.1	Thống kê, trình Tổng cục Hải quan để trình Bộ Tài chính ban hành Quyết định công bố TTHC quy định tại các văn bản QPPL do đơn vị chủ trì hoặc phối hợp soạn thảo	1		x		
3.2.2	Lấy ý kiến của Văn phòng Tổng cục đối với dự thảo Quyết định của Bộ Tài chính về công bố TTHC	1		x		
3.2.3	Niêm yết TTHC, địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về TTHC tại trụ sở, địa điểm làm thủ tục hải quan; đăng tải TTHC trên trang thông tin điện tử của đơn vị; cập nhật TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC	2	x	x		
3.2.4	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC	1	x			
3.2.5	Cách thức tiếp nhận, trả kết quả giải quyết TTHC	1	x			
3.2.6	Thời hạn giải quyết TTHC	2	x	x		
3.3	Kiểm tra sau thông quan	4	4	0	0	
3.3.1	Ban hành Kế hoạch kiểm tra sau thông quan hàng năm	1	x			
3.3.2	Mức độ thực hiện Kế hoạch kiểm tra sau thông quan hàng năm	3	x			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Đơn vị đánh giá			Ghi chú
			Cục Hải quan tỉnh, thành phố	Cục trực thuộc Tổng cục Hải quan	Vụ thuộc Tổng cục Hải quan	
3.4	Rà soát, đánh giá TTHC	1	0	1	0	
3.4.1	Mức độ thực hiện việc rà soát, đánh giá TTHC theo Kế hoạch kiểm soát TTHC hàng năm của Tổng cục Hải quan	1		x		
3.5	Xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp về TTHC	3	3	3	0	
3.5.1	Hình thức tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp về TTHC	1	x	x		
3.5.2	Mức độ trả lời phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp về TTHC (trả lời đầy đủ, kịp thời)	2	x	x		
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ	10	10	7	7	
4.1	Tuân thủ quy định của Chính phủ, Bộ Tài chính về tổ chức bộ máy	3	3	3	3	
4.1.1	Tuân thủ quy định của Chính phủ và của Bộ Tài chính về tổ chức bộ máy	3	x	x	x	
4.2	Thực hiện phân cấp quản lý	4	4	1	1	
4.2.1	Thực hiện quy định về phân cấp quản lý do Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan ban hành	1	x	x	x	
4.2.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của đơn vị đã được phân cấp	2	x			
4.2.3	Xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề bất cập về phân cấp được phát hiện qua kiểm tra, đánh giá	1	x			
4.3	Quy chế làm việc	3	3	3	3	
4.3.1	Ban hành Quy chế làm việc	1	x	x	x	
4.3.2	Thực hiện Quy chế làm việc	2	x	x	x	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Đơn vị đánh giá			Ghi chú
			Cục Hải quan tỉnh, thành phố	Cục trực thuộc Tổng cục Hải quan	Vụ thuộc Tổng cục Hải quan	
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC	13	13	13	11	
5.1	Xác định cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	4	4	4	4	
5.1.1	Cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm đã được phê duyệt	2	x	x	x	
5.1.2	Mức độ thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm đã được phê duyệt	2	x	x	x	
5.2	Đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức	3	3	3	3	
5.2.1	Mức độ thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức hàng năm	3	x	x	x	
5.3	Quản lý công chức, viên chức	3	3	3	3	
5.3.1	Đánh giá công chức, viên chức trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao	1	x	x	x	
5.3.2	Báo cáo số lượng, chất lượng công chức, viên chức định kỳ và đột xuất	1	x	x	x	
5.3.3	Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở	1	x	x	x	
5.4	Chất lượng công chức, viên chức	3	3	3	1	
5.4.1	Thực hiện quy trình bổ nhiệm công chức lãnh đạo của đơn vị	1	x	x		
5.4.2	Thực hiện quy trình luân chuyển, điều động cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị	1	x	x	x	
5.4.3	Thực hiện chính sách lương, thưởng và chế độ phụ cấp cho cán bộ, công chức, viên chức	1	x	x		
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG CỦA ĐƠN VỊ	13	13	7	1	
6.1	Thu ngân sách hàng năm	4	4	0	0	
6.1.1	Giải pháp chống thất thu, nợ đọng tiền thuế	1	x			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Đơn vị đánh giá			Ghi chú
			Cục Hải quan tỉnh, thành phố	Cục trực thuộc Tổng cục Hải quan	Vụ thuộc Tổng cục Hải quan	
6.1.2	Mức độ thực hiện chỉ tiêu thu ngân sách được giao hàng năm	3	x			
6.2	Quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản được giao	3	3	3	1	
6.2.1	Bảo đảm đúng quy định, tiết kiệm, hiệu quả	1	x	x	1	
6.2.2	Tỷ lệ giải ngân	2	x	x		
6.3	Báo cáo tài chính kế toán	2	2	2	0	
6.3.1	Số lượng và thời hạn báo cáo tài chính kế toán	1	x	x		
6.3.2	Nội dung báo cáo tài chính kế toán	1	x	x		
6.4	Quy chế chi tiêu nội bộ	2	2	2	0	
6.4.1	Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ	1	x	x		
6.4.2	Thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ	1	x	x		
6.5	Thực hiện cơ chế quản lý tài chính và biên chế theo Quyết định số 13/2016/QĐ-TTg ngày 15/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ	2	2	0	0	
6.5.1	Mức độ thực hiện cơ chế quản lý tài chính và biên chế theo Quyết định số 13/2016/QĐ-TTg ngày 15/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ	2	x			
7	HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH	17	17	5	3	
7.1	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành nội bộ	3	3	3	3	
7.1.1	Sử dụng Hệ thống quản lý văn bản, điều hành (Edoc Customs)	1,5	x	x	x	
7.1.2	Mức độ cung cấp thông tin trên trang thông tin điện tử của đơn vị	1,5	x	x	x	
7.2	Quản lý, sử dụng Hệ thống VNACCS/VCIS trong giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp	4	4	0	0	

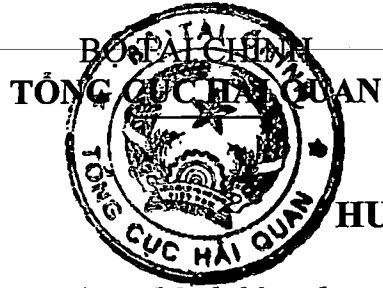
th 7

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Đơn vị đánh giá			Ghi chú
			Cục Hải quan tỉnh, thành phố	Cục trực thuộc Tổng cục Hải quan	Vụ thuộc Tổng cục Hải quan	
7.2.1	Bảo đảm tính ổn định, liên tục	2	x			
7.2.2	Mức độ sử dụng Hệ thống	2	x			
7.3	Thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia	3	3	0	0	
7.3.1	Mức độ thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia	3	x			
7.4	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	2	2	2	0	
7.4.1	Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3	1	x	x		
7.4.2	Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4	1	x	x		
7.5	Thu thuế điện tử	3	3	0	0	
7.5.1	Tỷ lệ thu ngân sách thông qua thu thuế điện tử	3	x			
7.6	Xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO	2	2	0	0	
7.6.1	Xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO	2	x			
	TỔNG	100	90	70	50	

Ghi chú:

- “X” đánh dấu tiêu chí cần được đánh giá theo hướng dẫn chấm điểm;
- Hệ số quy đổi giữa các Khối về thang điểm 100: Đối với Cục Hải quan tỉnh, thành phố là $K1 = 10/9$, đối với Cục trực thuộc Tổng cục Hải quan là $K2 = 10/7$, đối với Vụ thuộc Tổng cục Hải quan là $K3 = 10/5$.





BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

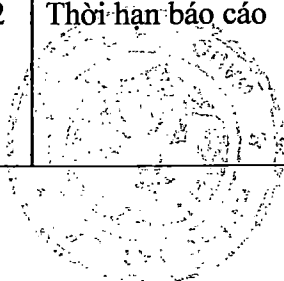
Phụ lục II

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN
CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA TỔNG CỤC HẢI QUAN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TCHQ ngày 24/5/2019 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan)

STT	Tên lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH		
1.1	Kế hoạch cải cách hành chính (CCHC) hàng năm		
1.1.1	Ban hành Kế hoạch CCHC	Các đơn vị ban hành Kế hoạch CCHC hàng năm hoặc được lồng ghép vào Chương trình, Kế hoạch công tác năm của đơn vị trong thời hạn yêu cầu tại Kế hoạch CCHC hàng năm của Tổng cục Hải quan: - Có ban hành Kế hoạch và kịp thời: 1 điểm; - Không ban hành Kế hoạch hoặc có ban hành Kế hoạch nhưng không kịp thời: 0 điểm.	Kế hoạch CCHC năm hoặc Chương trình, Kế hoạch công tác năm (có nội dung về CCHC) của đơn vị.
1.1.2	Kế hoạch CCHC xác định đầy đủ, cụ thể các nhiệm vụ, sản phẩm, đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp, tiến độ thực hiện	Nội dung Kế hoạch CCHC hàng năm của các đơn vị phải xác định đầy đủ các nhiệm vụ CCHC theo quy định và chỉ đạo của Tổng cục Hải quan; đồng thời phải xác định rõ sản phẩm là kết quả đầu ra của các nhiệm vụ CCHC, đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp, tiến độ thực hiện:	Kế hoạch CCHC hoặc Chương trình, Kế hoạch công tác năm (có nội dung về CCHC) của đơn vị

STT	Tên lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		<ul style="list-style-type: none"> - Nếu xác định đầy đủ, rõ ràng: 1 điểm; - Nếu không đầy đủ, rõ ràng: 0 điểm. 	
1.1.3	Mức độ thực hiện Kế hoạch CCHC	<p>Tính tỷ lệ % giữa số nhiệm vụ, sản phẩm đã hoàn thành trên tổng số nhiệm vụ, sản phẩm ghi trong Kế hoạch CCHC năm của các đơn vị. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100%: 1 điểm; - Từ 80% đến dưới 100%: 0,75 điểm; - Từ 70% đến dưới 80%: 0,5 điểm; - Dưới 70%: 0 điểm. 	Báo cáo kết quả công tác CCHC năm của các đơn vị.
1.2	Báo cáo định kỳ công tác CCHC		
1.2.1	Nội dung báo cáo	<p>Báo cáo định kỳ công tác CCHC của các đơn vị (Báo cáo quý I, 6 tháng đầu năm, quý III, năm) cần đảm bảo đầy đủ theo hướng dẫn, yêu cầu tại công văn của đơn vị chủ trì đề nghị gửi báo cáo.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu đầy đủ: 0,5 điểm; - Nếu không đầy đủ: 0 điểm. 	Các Báo cáo CCHC định kỳ quý I, 6 tháng đầu năm, quý III, năm của các đơn vị.
1.2.2	Thời hạn báo cáo	<p>Báo cáo định kỳ công tác CCHC của các đơn vị (Báo cáo quý I, 6 tháng đầu năm, quý III, năm) phải được gửi về Tổng cục Hải quan (qua Văn phòng Tổng cục), phải bảo đảm thời hạn quy định. Cụ thể: Báo cáo quý I gửi trước ngày 05/3, Báo cáo 6 tháng đầu năm gửi trước ngày 05/6, Báo cáo quý III gửi trước ngày 05/9 và Báo cáo năm gửi trước ngày 01/12:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu bảo đảm thời hạn: 0,5 điểm; 	Các Báo cáo CCHC định kỳ quý I, 6 tháng đầu năm, quý III, năm của các đơn vị.



STT	Tên lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		- Không bảo đảm thời hạn: 0 điểm.	
1.3	Kiểm tra công tác CCHC		
1.3.1	Ban hành Kế hoạch kiểm tra	<p>Các Cục Hải quan tỉnh, thành phố ban hành Kế hoạch kiểm tra CCHC riêng, hoặc nằm trong Kế hoạch CCHC, Kế hoạch kiểm tra nội bộ hoặc Chương trình, Kế hoạch công tác năm.</p> <p>Các Vụ, Cục thuộc cơ quan Tổng cục Hải quan lấy Kế hoạch kiểm tra nội bộ hàng năm của Tổng cục Hải quan để tiến hành việc kiểm tra.</p> <p>- Có ban hành Kế hoạch: 1 điểm; - Không ban hành Kế hoạch: 0 điểm.</p>	<p>- Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC hàng năm của Cục Hải quan tỉnh, thành phố.</p> <p>- Kế hoạch kiểm tra nội bộ hàng năm của Tổng cục Hải quan.</p> <p>- Kết quả theo dõi của Vụ Thanh tra kiểm tra (Vụ Thanh tra kiểm tra có trách nhiệm cung cấp kết quả theo dõi công tác kiểm tra nội bộ cho Văn phòng Tổng cục để chấm thẩm định).</p>
1.3.2	Mức độ thực hiện Kế hoạch kiểm tra	<p>Tính tỷ lệ % giữa số đơn vị được kiểm tra CCHC trên thực tế trong năm trên tổng số đơn vị cần kiểm tra CCHC ghi trong Kế hoạch kiểm tra CCHC hàng năm. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <p>- 100%: 1 điểm; - Từ 70% đến dưới 100%: 0,5 điểm; - Dưới 70%: 0 điểm.</p>	<p>- Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC năm của Cục Hải quan tỉnh, thành phố.</p> <p>- Kế hoạch kiểm tra nội bộ hàng năm của Tổng cục Hải quan.</p> <p>- Báo cáo kết quả kiểm tra công tác CCHC năm của các đơn vị.</p> <p>- Biên bản kiểm tra.</p> <p>- Kết quả theo dõi của Vụ Thanh tra kiểm tra (Vụ Thanh tra kiểm tra có trách nhiệm cung cấp kết quả theo dõi công tác kiểm tra nội bộ cho Văn phòng Tổng cục để chấm thẩm định).</p>

STT	Tên lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
1.3.3	Xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề bất cập được phát hiện qua kiểm tra	Tính tỷ lệ % giữa số vấn đề bất cập được phát hiện qua kiểm tra đã được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý trên tổng số vấn đề bất cập được phát hiện qua kiểm tra. Nếu tỷ lệ này đạt: - 100%: 1 điểm; - Từ 70% đến dưới 100%: 0,5 điểm; - Dưới 70%: 0 điểm.	- Báo cáo kết quả kiểm tra công tác CCHC năm của các đơn vị. - Biên bản kiểm tra. - Các văn bản thể hiện nội dung đã được xử lý hoặc kiến nghị xử lý đối với từng vấn đề được phát hiện qua kiểm tra. - Kết quả theo dõi của Vụ Thanh tra kiểm tra (Vụ Thanh tra kiểm tra có trách nhiệm cung cấp kết quả theo dõi công tác kiểm tra nội bộ cho Văn phòng Tổng cục để chấm thẩm định).
1.4	Tuyên truyền công tác CCHC		
1.4.1	Mức độ thực hiện Kế hoạch tuyên truyền	Tính tỷ lệ % giữa số nhiệm vụ, sản phẩm về tuyên truyền công tác CCHC đã hoàn thành trên tổng số nhiệm vụ về tuyên truyền công tác CCHC ghi trong Kế hoạch tuyên truyền công tác CCHC hàng năm. Nếu tỷ lệ này đạt: - Từ 70% đến 100%: 1 điểm; - Từ dưới 70% trở xuống: 0 điểm.	- Kế hoạch tuyên truyền công tác CCHC hàng năm của các đơn vị. - Báo cáo công tác CCHC hàng năm hoặc Báo cáo kết quả tuyên truyền công tác CCHC hàng năm của các đơn vị.
1.5	Sự năng động trong chỉ đạo, điều hành công tác CCHC		
1.5.1	Gắn kết quả thực hiện công tác CCHC với công tác thi đua, khen	Thực hiện xem xét, đánh giá cán bộ, bình xét thi đua đối với cán bộ, công chức thuộc đơn vị dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ	- 05 bản đánh giá, phân loại công chức, 05 bản báo cáo thành tích của công chức

STT	Tên lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	thường	CCHC: - Có thực hiện: 1 điểm; - Không thực hiện: 0 điểm.	thuộc đơn vị. - Báo cáo bình xét thi đua (nếu có).
1.5.2	Sáng kiến trong triển khai công tác CCHC	Sáng kiến, hoặc giải pháp, cách làm mới trong CCHC phải đáp ứng yêu cầu: Lần đầu tiên được áp dụng hoặc áp dụng thử để nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ CCHC trong nội bộ đơn vị; đã hoặc có khả năng mang lại lợi ích thiết thực, nâng cao hiệu quả triển khai nhiệm vụ CCHC của đơn vị: - Nếu có sáng kiến: 1 điểm; - Không có sáng kiến: 0 điểm.	- Các văn bản phê duyệt triển khai các giải pháp mới trong thực hiện các nội dung CCHC. - Các văn bản công nhận sáng kiến của đơn vị (nếu có).
1.6	Chỉ đạo, điều hành công tác CCHC		
1.6.1	Bố trí cán bộ, công chức làm đầu mối thực hiện nhiệm vụ CCHC, kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC) và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia	Các đơn vị bố trí cán bộ, công chức làm nhiệm vụ công tác CCHC của đơn vị. - Có bố trí: 0,5 điểm; - Không bố trí: 0 điểm.	Văn bản phân công nhiệm vụ đối với cán bộ, công chức của các đơn vị.
1.6.2	Ban hành văn bản chỉ đạo, điều hành công tác CCHC của đơn vị	Các đơn vị ban hành văn bản chỉ đạo, điều hành công tác CCHC của đơn vị mình để thực hiện đầy đủ chỉ đạo về công tác CCHC của Tổng cục Hải quan, của cơ quan có thẩm quyền, hoặc tự triển khai các vấn đề CCHC thuộc thẩm quyền của đơn vị.	Văn bản chỉ đạo của đơn vị về CCHC hoặc báo cáo (nếu có).

STT	Tên lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		<ul style="list-style-type: none"> - Có ban hành: 0,5 điểm; - Không ban hành: 0 điểm. 	
1.7	Thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao		
1.7.1	Mức độ thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	<p>Căn cứ vào báo cáo thống kê của Văn phòng Tổng cục về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao cho Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành đúng tiến độ 100% số nhiệm vụ được giao: 2 điểm; - Hoàn thành 100% số nhiệm vụ được giao nhưng có nhiệm vụ hoàn thành muộn so với tiến độ: 1,5 điểm; - Hoàn thành từ 90% đến dưới 100% số nhiệm vụ được giao, số nhiệm vụ còn lại chưa hoàn thành vì lý do khách quan: 1 điểm; - Hoàn thành từ 90% đến dưới 100% số nhiệm vụ được giao nhưng số nhiệm vụ còn lại chưa hoàn thành vì lý do chủ quan hoặc hoàn thành dưới 90%: 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo thống kê của Văn phòng Tổng cục. - Giải trình báo cáo về các nhiệm vụ chậm, muộn, chưa hoàn thành.
1.8	Thực hiện các nhiệm vụ được Bộ Tài chính giao		
1.8.1	Mức độ thực hiện các nhiệm vụ được Bộ Tài chính giao	<p>Căn cứ vào báo cáo thống kê của Văn phòng Tổng cục về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được Bộ Tài chính giao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành đúng tiến độ 100% số nhiệm vụ được giao: 2 điểm; - Hoàn thành 100% số nhiệm vụ được giao nhưng có nhiệm vụ 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo thống kê của Văn phòng Tổng cục. - Giải trình báo cáo về các nhiệm vụ chậm, muộn, chưa hoàn thành.

STT	Tên lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		hoàn thành muộn so với tiến độ: 1,5 điểm; - Hoàn thành từ 90% đến dưới 100% số nhiệm vụ được giao, số nhiệm vụ còn lại chưa hoàn thành vì lý do khách quan: 1 điểm; - Hoàn thành từ 90% đến dưới 100% số nhiệm vụ được giao nhưng số nhiệm vụ còn lại chưa hoàn thành vì lý do chủ quan hoặc hoàn thành dưới 90%: 0 điểm.	
1.9	Thực hiện các nhiệm vụ được Tổng cục Hải quan giao		
1.9.1	Mức độ thực hiện các nhiệm vụ được Tổng cục Hải quan giao	Căn cứ vào báo cáo thống kê của Văn phòng Tổng cục về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được Tổng cục Hải quan giao: - Hoàn thành đúng tiến độ 100% số nhiệm vụ được giao: 2 điểm; - Hoàn thành 100% số nhiệm vụ được giao nhưng có nhiệm vụ hoàn thành muộn so với tiến độ: 1,5 điểm; - Hoàn thành từ 90% đến dưới 100% số nhiệm vụ được giao, số nhiệm vụ còn lại chưa hoàn thành vì lý do khách quan: 1 điểm; - Hoàn thành từ 90% đến dưới 100% số nhiệm vụ được giao nhưng số nhiệm vụ còn lại chưa hoàn thành vì lý do chủ quan hoặc hoàn thành dưới 90%: 0 điểm.	- Báo cáo thống kê của Văn phòng Tổng cục. - Giải trình báo cáo về các nhiệm vụ chậm, muộn, chưa hoàn thành.
2	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN THỂ CHẾ THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA		

STT	Tên lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	ĐƠN VỊ		
2.1	Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của đơn vị		
2.1.1	Mức độ thực hiện Kế hoạch xây dựng văn bản QPPL hàng năm	Tính tỷ lệ % giữa số văn bản QPPL đã được ký ban hành trên tổng số văn bản QPPL dự kiến theo Chương trình xây dựng văn bản QPPL hàng năm của Bộ Tài chính. Nếu tỷ lệ này đạt: - 100%: 3 điểm; - Từ 90% đến dưới 100%: 2 điểm; - Dưới 90%: 0 điểm.	- Chương trình xây dựng văn bản QPPL hàng năm của Bộ Tài chính. - Báo cáo kết quả xây dựng văn bản QPPL hàng năm của đơn vị. - Kết quả theo dõi của Vụ Pháp chế.
2.1.2	Thực hiện quy trình xây dựng văn bản QPPL	Thực hiện quy trình xây dựng văn bản QPPL theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL và các văn bản liên quan, Quy chế xây dựng văn bản QPPL của Bộ Tài chính, của Tổng cục Hải quan: - Thực hiện theo đúng quy định: 1 điểm; - Thực hiện không đúng quy định: 0 điểm.	- Báo cáo kết quả xây dựng văn bản QPPL hàng năm của đơn vị. - Kết quả theo dõi của Vụ Pháp chế.
2.2	Công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa, pháp điển, hợp nhất, theo dõi tình hình thi hành văn bản QPPL		
2.2.1	Mức độ thực hiện	Tính tỷ lệ % giữa số nhiệm vụ đã hoàn thành trên tổng số nhiệm	- Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện công

STT	Tên lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa, pháp điển, hợp nhất, theo dõi tình hình thi hành văn bản QPPL	vụ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa, pháp điển, hợp nhất, theo dõi tình hình thi hành văn bản QPPL được Tổng cục Hải quan giao cho đơn vị trong năm. Nếu tỷ lệ này đạt: - Từ 80% đến 100%: 1 điểm; - Dưới 80% : 0 điểm.	tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa, pháp điển, hợp nhất, theo dõi tình hình thi hành văn bản QPPL hàng năm của đơn vị. - Kết quả theo dõi của Vụ Pháp chế.
2.3	Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật		
2.3.1	Ban hành Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật	Các đơn vị ban hành Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật hàng năm theo quy định của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, các văn bản liên quan và theo chỉ đạo của Tổng cục Hải quan, hoặc lồng ghép trong Kế hoạch công tác năm của đơn vị nhưng phải rõ nhiệm vụ: - Có ban hành Kế hoạch: 1 điểm; - Không ban hành Kế hoạch: 0 điểm.	- Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật hàng năm của các đơn vị. - Kết quả theo dõi của Vụ Pháp chế.
2.3.2	Mức độ thực hiện Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật	Tính tỷ lệ % giữa số nhiệm vụ đã hoàn thành trên tổng số nhiệm vụ ghi trong Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật hàng năm của các đơn vị. Nếu tỷ lệ này đạt: - 100%: 2 điểm; - Từ 80% đến dưới 100%: 1 điểm; - Dưới 80%: 0 điểm.	- Báo cáo kết quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật hàng năm của đơn vị. - Kết quả theo dõi của Vụ Pháp chế.
2.4	Thanh tra việc chấp hành chính sách, pháp luật		

STT	Tên lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
2.4.1	Xây dựng Kế hoạch thanh tra chuyên ngành hàng năm	<p>Hàng năm, Cục Hải quan tỉnh, thành phố có xây dựng Kế hoạch thanh tra chuyên ngành theo chỉ đạo, định hướng của Tổng cục Hải quan; trình Tổng cục Hải quan xem xét phê duyệt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có xây dựng Kế hoạch và trình Tổng cục Hải quan phê duyệt: 1 điểm; - Không xây dựng Kế hoạch hoặc có xây dựng Kế hoạch nhưng chậm tiến độ, không đúng chỉ đạo, định hướng của Tổng cục Hải quan: 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định của Tổng cục Hải quan phê duyệt kế hoạch thanh tra chuyên ngành hàng năm của Cục Hải quan các tỉnh, thành phố. - Kết quả theo dõi của Vụ Thanh tra kiểm tra (cung cấp cho Vụ Pháp chế để làm cơ sở chấm thẩm định).
2.4.2	Mức độ thực hiện Kế hoạch thanh tra chuyên ngành hàng năm	<p>Tính tỷ lệ % giữa số cuộc thanh tra đã hoàn thành trên tổng số cuộc thanh tra được giao trong Kế hoạch thanh tra hàng năm. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100%: 2 điểm; - Từ 80% đến dưới 100%: 1,5 điểm; - Từ 60% đến dưới 80%: 1 điểm; - Dưới 60%: 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả công tác thanh tra chuyên ngành hàng năm của Cục Hải quan các tỉnh, thành phố. - Kết quả theo dõi của Vụ Thanh tra kiểm tra (cung cấp cho Vụ Pháp chế để làm cơ sở chấm thẩm định).
2.4.3	Xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề bất cập được phát hiện qua thanh tra chuyên ngành	<p>Tính tỷ lệ % giữa số vấn đề bất cập được phát hiện qua thanh tra đã được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý trên tổng số vấn đề bất cập được phát hiện qua thanh tra. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100%: 1 điểm; - Từ 70% đến dưới 100%: 0,5 điểm; - Dưới 70%: 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả công tác thanh tra chuyên ngành hàng năm của Cục Hải quan các tỉnh, thành phố. - Các kết luận thanh tra. - Các văn bản thể hiện nội dung đã được xử lý hoặc kiến nghị xử lý đối với từng vấn đề bất cập được phát hiện qua thanh tra. - Kết quả theo dõi của Vụ Thanh tra kiểm tra (cung cấp cho Vụ Pháp chế để làm

STT	Tên lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
			cơ sở chấm thẩm định).
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH		
3.1	Xây dựng quy định về TTHC		
3.1.1	Đảm bảo yêu cầu của việc quy định TTHC	<p>Việc xây dựng các quy định về TTHC trong quá trình soạn thảo văn bản QPPL cần bảo đảm yêu cầu theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL, các Nghị định số 63/2010/NĐ-CP, số 48/2013/NĐ-CP, số 92/2017/NĐ-CP và các Thông tư về công tác kiểm soát TTHC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện theo đúng quy định: 1 điểm; - Thực hiện chưa đúng quy định: 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản QPPL, dự thảo văn bản QPPL có quy định TTHC do đơn vị chủ trì soạn thảo. - Kết quả theo dõi của Văn phòng Tổng cục.
3.1.2	Đánh giá tác động của TTHC trong đề nghị xây dựng văn bản QPPL và trong dự án, dự thảo văn bản QPPL	<p>Đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản QPPL phải tổ chức đánh giá tác động của TTHC trong đề nghị xây dựng văn bản QPPL và trong dự án, dự thảo văn bản QPPL.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thực hiện và thực hiện đầy đủ, đúng quy định: 1 điểm; - Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định: 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các báo cáo đánh giá tác động TTHC kèm theo hồ sơ trình Bộ Tài chính về dự thảo văn bản QPPL có quy định về TTHC. - Kết quả theo dõi của Văn phòng Tổng cục.
3.1.3	Lấy ý kiến Văn phòng Tổng cục đối với kết quả đánh giá tác động của TTHC trong đề nghị xây dựng văn bản QPPL và trong dự án, dự thảo văn bản QPPL	<p>Quá trình soạn thảo văn bản QPPL, đơn vị chủ trì soạn thảo phải lấy ý kiến của Văn phòng Tổng cục đối với kết quả đánh giá tác động của TTHC.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thực hiện và thực hiện đúng quy định: 1 điểm; - Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định: 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản tham gia ý kiến của Văn phòng Tổng cục về kết quả đánh giá tác động của TTHC trong đề nghị xây dựng văn bản QPPL và trong dự án, dự thảo văn bản QPPL. - Kết quả theo dõi của Văn phòng Tổng cục.

STT	Tên lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
3.2	Giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp		
3.2.1	Thống kê, trình Tổng cục Hải quan để trình Bộ Tài chính ban hành Quyết định công bố TTHC quy định tại các văn bản QPPL do đơn vị chủ trì hoặc phối hợp soạn thảo	<p>Đơn vị đã chủ trì soạn thảo văn bản QPPL có quy định TTHC có trách nhiệm chủ trì thống kê TTHC để trình Bộ Tài chính ban hành Quyết định công bố TTHC bảo đảm TTHC được công bố chậm nhất trước 20 ngày tính đến ngày văn bản QPPL có hiệu lực thi hành hoặc sau 03 ngày kể từ ngày ký văn bản đối với trường hợp văn bản QPPL có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.</p> <p>- Có thực hiện và thực hiện đúng quy định: 1 điểm; - Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định: 0 điểm.</p>	<p>- Các Quyết định công bố TTHC đã được Bộ Tài chính ký ban hành.</p> <p>- Kết quả theo dõi của Văn phòng Tổng cục.</p>
3.2.2	Lấy ý kiến của Văn phòng Tổng cục đối với dự thảo Quyết định của Bộ Tài chính về công bố TTHC	<p>Đơn vị chủ trì thống kê TTHC có trách nhiệm lấy ý kiến của Văn phòng Tổng cục đối với dự thảo Quyết định của Bộ Tài chính về công bố TTHC.</p> <p>- Có thực hiện và thực hiện đúng quy định: 1 điểm; - Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định: 0 điểm.</p>	<p>- Các văn bản lấy ý kiến của đơn vị.</p> <p>- Các văn bản tham gia ý kiến của Văn phòng Tổng cục.</p> <p>- Kết quả theo dõi của Văn phòng Tổng cục.</p>
3.2.3	Niêm yết TTHC, địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về TTHC tại trụ sở, địa điểm làm thủ tục hải quan; đăng tải TTHC trên trang thông tin điện tử của đơn vị; cập nhật TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về	<p>- Cục Hải quan các tỉnh, thành phố:</p> <p>+ Niêm yết đầy đủ các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Cục theo Quyết định công bố TTHC của Bộ Tài chính; địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về TTHC theo mẫu do Bộ Tài chính ban hành tại trụ sở đơn vị;</p> <p>+ Chỉ đạo Chi cục Hải quan niêm yết đầy đủ các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Chi cục theo Quyết định công bố TTHC của Bộ Tài chính; địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về TTHC theo mẫu do Bộ Tài chính ban hành tại trụ sở đơn vị, địa</p>	<p>- Các văn bản chỉ đạo triển khai việc niêm yết, đăng tải, cập nhật TTHC của các đơn vị.</p> <p>- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC hàng năm của các đơn vị.</p> <p>- Kết quả theo dõi của Văn phòng Tổng cục.</p>

STT	Tên lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	TTHC	<p>điểm làm thủ tục hải quan;</p> <p>+ Đăng tải công khai các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Cục, Chi cục trên trang thông tin điện tử của Cục.</p> <p>- Các Cục thuộc cơ quan Tổng cục Hải quan đã chủ trì thống kê, trình công bố TTHC có trách nhiệm:</p> <p>+ Phối hợp với Văn phòng Tổng cục niêm yết đầy đủ các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Tổng cục Hải quan theo Quyết định công bố TTHC của Bộ Tài chính; địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về TTHC theo mẫu do Bộ Tài chính ban hành tại trụ sở cơ quan Tổng cục Hải quan; cập nhật TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC;</p> <p>+ Phối hợp với Cục Công nghệ thông tin và thống kê hải quan đăng tải công khai các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp Hải quan trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan.</p> <p>- Có thực hiện và thực hiện theo đúng quy định: 2 điểm;</p> <p>- Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định: 0 điểm.</p>	
3.2.4	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC	<p>- Có thực hiện và thực hiện theo đúng quy định: 1 điểm;</p> <p>- Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định: 0 điểm.</p>	<p>- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC hàng năm của đơn vị.</p> <p>- Kết quả theo dõi của Văn phòng Tổng cục.</p>
3.2.5	Cách thức tiếp nhận, trả kết quả giải quyết TTHC	<p>- Có tiếp nhận, trả kết quả giải quyết TTHC qua Internet: 1 điểm;</p> <p>- Không tiếp nhận, trả kết quả giải quyết TTHC qua Internet mà chỉ thực hiện bằng các hình thức khác: 0 điểm.</p>	<p>- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC hàng năm của đơn vị.</p> <p>- Kết quả theo dõi của Văn phòng Tổng cục.</p>

STT	Tên lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
3.2.6	Thời hạn giải quyết TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Giải quyết TTHC đúng hạn 100%: 2 điểm; - Giải quyết TTHC đúng hạn từ 90% đến dưới 100%: 1 điểm; - Giải quyết TTHC đúng hạn dưới 90%: 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo công tác kiểm soát TTHC hàng năm của các đơn vị. - Kết quả theo dõi của Văn phòng Tổng cục.
3.3	Kiểm tra sau thông quan		
3.3.1	Ban hành Kế hoạch kiểm tra sau thông quan hàng năm	<p>Căn cứ Quyết định của Tổng cục Hải quan về giao nhiệm vụ kiểm tra sau thông quan hàng năm, các Cục Hải quan tỉnh, thành phố ban hành Kế hoạch kiểm tra sau thông quan năm của đơn vị mình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có ban hành Kế hoạch: 1 điểm; - Không ban hành Kế hoạch: 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch kiểm tra sau thông quan hàng năm của các Cục Hải quan tỉnh, thành phố. - Kết quả theo dõi của Cục Kiểm tra sau thông quan (cung cấp cho Văn phòng Tổng cục để làm cơ sở chấm thẩm định).
3.3.2	Mức độ thực hiện Kế hoạch kiểm tra sau thông quan hàng năm	<p>Tính tỷ lệ % giữa số cuộc kiểm tra đã hoàn thành trên tổng số cuộc kiểm tra đã được Tổng cục Hải quan giao trong năm. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100%: 3 điểm; - Từ 90% đến dưới 100%: 2 điểm; - Từ 80% đến dưới 90%: 1 điểm; - Dưới 80%: 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả công tác kiểm tra sau thông quan hàng năm của các Cục Hải quan tỉnh, thành phố. - Kết quả theo dõi của Cục Kiểm tra sau thông quan (cung cấp cho Văn phòng Tổng cục để làm cơ sở chấm thẩm định).
3.4	Rà soát, đánh giá TTHC		
3.4.1	Mức độ thực hiện việc	Tính tỷ lệ % giữa số nhiệm vụ đã hoàn thành so với tổng số	- Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC.

STT	Tên lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	rà soát, đánh giá TTHC theo Kế hoạch kiểm soát TTHC hàng năm của Tổng cục Hải quan	nhiệm vụ trong Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC hàng năm của Tổng cục Hải quan giao cho đơn vị. Nếu tỷ lệ này đạt: - Từ 80% - 100%: 1 điểm; - Dưới 80%: 0 điểm.	- Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá TTHC. - Kết quả theo dõi của Văn phòng Tổng cục.
3.5	Xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp về TTHC		
3.5.1	Hình thức tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp về TTHC	Thực hiện đầy đủ các hình thức tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp về TTHC theo quy định tại Nghị định số 20/2008/NĐ-CP, các Nghị định số 63/2010/NĐ-CP, số 48/2013/NĐ-CP, số 92/2017/NĐ-CP và các Thông tư về công tác kiểm soát TTHC: - Thực hiện đúng quy định: 1 điểm; - Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định: 0 điểm.	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC hàng năm của các đơn vị. - Kết quả theo dõi của Văn phòng Tổng cục.
3.5.2	Mức độ trả lời phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp về TTHC (trả lời đầy đủ, kịp thời)	Thống kê đầy đủ tất cả phản ánh, kiến nghị trong năm được phân công giải quyết theo chức năng, nhiệm vụ. Tính tỷ lệ % giữa số phản ánh, kiến nghị đã được xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý so với tổng số phản ánh, kiến nghị đã tiếp nhận trong năm. Nếu tỷ lệ này đạt: - 100%: 2 điểm; - Từ 90% - dưới 100%: 1,5 điểm; - Từ 80% - dưới 90%: 1 điểm; - Dưới 80%: 0 điểm.	- Thông tin kết quả trả lời phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp về TTHC tại Báo cáo công tác kiểm soát TTHC. - Theo dõi của Văn phòng Tổng cục.

STT	Tên lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ		
4.1	Tuân thủ quy định của Chính phủ, Bộ Tài chính về tổ chức bộ máy		
4.1.1	Tuân thủ các quy định của Chính phủ, Bộ Tài chính về tổ chức bộ máy	<p>Thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, kịp thời trình Tổng cục Hải quan để trình Bộ Tài chính ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Chính phủ và Bộ Tài chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đúng quy định: 3 điểm; - Thực hiện đúng quy định nhưng quá hạn: 2 điểm; - Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định: 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo về công tác tổ chức cán bộ. - Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ của đơn vị. - Kết quả theo dõi của Vụ Tổ chức cán bộ.
4.2	Thực hiện phân cấp quản lý		
4.2.1	Thực hiện quy định về phân cấp quản lý do Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan ban hành	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đúng: 1 điểm; - Thực hiện không đúng quy định: 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả thực hiện phân cấp quản lý của đơn vị. - Kết quả theo dõi của Vụ Tổ chức cán bộ.
4.2.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý	Thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ hàng năm đối với các nội dung thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý nhà nước đã được phân cấp quản lý.	<ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản liên quan đến kế hoạch kiểm tra, tổ chức kiểm tra. - Kết quả theo dõi của Vụ Tổ chức cán bộ.

STT	Tên lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	nhà nước của đơn vị đã được phân cấp	- Có thực hiện: 2 điểm; - Không thực hiện: 0 điểm.	
4.2.3	Xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề bất cập về phân cấp được phát hiện qua kiểm tra, đánh giá	Tính tỷ lệ % giữa số vấn đề bất cập phát hiện qua kiểm tra đã được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý trên tổng số vấn đề bất cập được phát hiện qua kiểm tra. Nếu tỷ lệ này đạt: - 100%: 1 điểm; - Từ 70% đến dưới 100%: 0,5 điểm; - Dưới 70%: 0 điểm.	- Các thông báo kết luận kiểm tra. - Các văn bản xử lý những vấn đề phát hiện qua kiểm tra. - Báo cáo về kết quả kiểm tra. - Kết quả theo dõi của Vụ Tổ chức cán bộ.
4.3	Ban hành và thực hiện Quy chế làm việc		
4.3.1	Ban hành Quy chế làm việc	- Có ban hành Quy chế làm việc bảo đảm phù hợp với Quy chế làm việc của Tổng cục Hải quan: 1 điểm; - Không ban hành Quy chế làm việc hoặc có ban hành Quy chế làm việc nhưng có nội dung không phù hợp với Quy chế làm việc của Tổng cục Hải quan: 0 điểm.	- Quy chế làm việc của đơn vị. - Kết quả theo dõi của Văn phòng Tổng cục (cung cấp cho Vụ Tổ chức cán bộ để chấm thẩm định).
4.3.2	Thực hiện Quy chế làm việc	- Thực hiện đúng Quy chế làm việc: 2 điểm; - Thực hiện không đúng Quy chế làm việc: 0 điểm	- Văn bản có nội dung về kết quả thực hiện Quy chế làm việc của đơn vị. - Kết quả theo dõi của Văn phòng Tổng cục (cung cấp cho Vụ Tổ chức cán bộ để chấm thẩm định).
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ		

STT	Tên lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC		
5.1	Xác định cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm		
5.1.1	Cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm đã được phê duyệt	<p>Các đơn vị bố trí công chức theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn ngạch công chức tương ứng với bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đúng việc bố trí theo vị trí việc làm: 2 điểm; - Thực hiện không đúng việc bố trí theo vị trí việc làm: 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo về công tác tổ chức cán bộ. - Gửi đại diện Bản mô tả công việc, Khung năng lực của ít nhất 02 vị trí việc làm khác nhau. - Kết quả theo dõi của Vụ Tổ chức cán bộ.
5.1.2	Mức độ thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm đã được phê duyệt	<p>Tính tỷ lệ % giữa số công chức thuộc đơn vị được bố trí đúng theo vị trí việc làm trên tổng số biên chế hiện có của đơn vị. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 90% - 100%: 2 điểm; - Từ 70% đến dưới 90%: 1 điểm; - Dưới 70%: 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo về công tác tổ chức cán bộ. - Báo cáo tình hình sử dụng cán bộ, công chức, viên chức. - Kết quả theo dõi của Vụ Tổ chức cán bộ.
5.2	Đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức		
5.2.1	Mức độ thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức hàng năm (Đối với Cục, Vụ thuộc cơ quan Tổng	<p>Tính tỷ lệ % giữa số nhiệm vụ đã hoàn thành trên tổng số nhiệm vụ được quy định tại Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức hàng năm. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100 %: 3 điểm; - Từ 80% đến dưới 100%: 1,5 điểm; 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo về công tác tổ chức cán bộ. - Báo cáo kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức. - Kết quả theo dõi của Vụ Tổ chức cán bộ.

STT	Tên lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	cục Hải quan đánh giá mức độ hoàn thành theo Kế hoạch của Tổng cục Hải quan).	- Dưới 80%: 0 điểm.	
5.3	Quản lý công chức, viên chức		
5.3.1	Đánh giá công chức, viên chức trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao	- Có thực hiện: 1 điểm; - Không thực hiện: 0 điểm.	- Báo cáo về công tác tổ chức cán bộ. - Kết quả theo dõi của Vụ Tổ chức cán bộ.
5.3.2	Báo cáo số lượng, chất lượng công chức, viên chức định kỳ và đột xuất	- Báo cáo đầy đủ, đúng thời hạn yêu cầu: 1 điểm; - Báo cáo đầy đủ nhưng quá hạn yêu cầu: 0,5 điểm; - Báo cáo không đầy đủ: 0 điểm.	- Các báo cáo về số lượng, chất lượng công chức. - Kết quả theo dõi của Vụ Tổ chức cán bộ.
5.3.3	Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở	- Có thực hiện: 1 điểm; - Không thực hiện: 0 điểm.	- Báo cáo kết quả thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở theo quy định. - Kết quả theo dõi của Văn phòng Tổng cục (cung cấp cho Vụ Tổ chức cán bộ để chấm thẩm định).
5.4	Chất lượng công chức		
5.4.1	Thực hiện quy trình bổ nhiệm công chức lãnh đạo của đơn vị	- Thực hiện đúng quy định: 1 điểm; - Thực hiện không đúng quy định: 0 điểm.	- Các quyết định bổ nhiệm. - Báo cáo đánh giá kết quả công tác bổ nhiệm các vị trí lãnh đạo, quản lý trong

STT	Tên lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
			năm. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ Tổ chức cán bộ.
5.4.2	Thực hiện quy trình luân chuyển, điều động cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị	- Thực hiện đúng quy định: 1 điểm; - Thực hiện không đúng quy định hoặc không thực hiện: 0 điểm.	- Báo cáo về kết quả thực hiện luân chuyển, điều động cán bộ; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ TCCB.
5.4.3	Thực hiện chính sách lương, thưởng và chế độ phụ cấp cho cán bộ, công chức, viên chức	- Thực hiện đúng quy định: 1 điểm; - Thực hiện không đúng quy định: 0 điểm.	- Báo cáo về tình hình thực hiện chính sách lương, thưởng và chế độ phụ cấp cho cán bộ, công chức của đơn vị. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ TCCB.
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG CỦA ĐƠN VỊ		
6.1	Thu ngân sách hàng năm		
6.1.1	Giải pháp chống thất thu, nợ đọng tiền thuế	Cục Hải quan tỉnh, thành phố có triển khai các giải pháp chống thất thu, nợ đọng kịp thời, hiệu quả theo chỉ đạo của Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan: - Nếu kịp thời, hiệu quả: 1 điểm; - Không kịp thời, hiệu quả: 0 điểm	- Văn bản của Cục Hải quan tỉnh, thành phố về triển khai các giải pháp chống thất thu, nợ đọng tiền thuế. - Báo cáo kết quả thu ngân sách nhà nước hàng năm của Cục Hải quan tỉnh, thành phố. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Cục Thuế

STT	Tên lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
			xuất nhập khẩu (cung cấp cho Cục Tài vụ quản trị để chấm thẩm định).
6.1.2	Mức độ thực hiện chỉ tiêu thu ngân sách được giao hàng năm	Cục Hải quan tỉnh, thành phố phân đấu thực hiện chỉ tiêu thu ngân sách được Bộ Tài chính giao hàng năm. Nếu tỷ lệ này đạt: - Đạt 100% hoặc vượt chỉ tiêu được giao: 3 điểm. - Đạt từ 90% - dưới 100%: 2,5 điểm; - Đạt từ 80% - dưới 90%: 2 điểm; - Đạt từ 70% - dưới 80%: 1 điểm; - Dưới 70%: 0 điểm.	- Báo cáo kết quả thu ngân sách nhà nước hàng năm của Cục Hải quan tỉnh, thành phố. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Cục Thuế xuất nhập khẩu (cung cấp cho Cục Tài vụ quản trị để chấm thẩm định).
6.2	Quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản được giao		
6.2.1	Bảo đảm đúng quy định, tiết kiệm, hiệu quả	- Các đơn vị dự toán có trách nhiệm quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản được giao bảo đảm đúng quy định, tiết kiệm, hiệu quả. - Các đơn vị không phải là đơn vị dự toán (các Vụ và một số Cục thuộc cơ quan Tổng cục Hải quan) có trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản được giao bảo đảm đúng quy định, tiết kiệm, hiệu quả. - Bảo đảm đúng quy định, tiết kiệm, hiệu quả: 1 điểm; - Không bảo đảm quy định, tiết kiệm, hiệu quả: 0 điểm.	- Báo cáo kết quả thực hiện công tác quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản được giao hàng năm của Cục Hải quan tỉnh, thành phố. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Cục Tài vụ quản trị.
6.2.2	Tỷ lệ giải ngân	- Đạt 100%: 2 điểm; - Đạt từ 95% - dưới 100%: 1 điểm; - Dưới 95%: 0 điểm.	- Báo cáo kết quả giải ngân hàng năm của các đơn vị. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Cục Tài

STT	Tên lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
			vụ quản trị.
6.3	Báo cáo tài chính kế toán		
6.3.1	Số lượng và thời hạn báo cáo tài chính kế toán	<p>Các Cục Hải quan tỉnh, thành phố, các Cục trực thuộc cơ quan Tổng cục Hải quan là đơn vị dự toán cấp 3 thực hiện đầy đủ và đúng hạn các báo cáo định kỳ về quản lý tài chính và sử dụng tài sản tại đơn vị (bao gồm báo cáo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đầy đủ và đảm bảo đúng hạn: 1 điểm; - Thực hiện đầy đủ nhưng quá hạn: 0,5 điểm; - Thực hiện không đầy đủ: 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các báo cáo tài chính kế toán trong năm của các đơn vị. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Cục Tài vụ quản trị.
6.3.2	Nội dung báo cáo tài chính kế toán	<p>Các Cục Hải quan tỉnh, thành phố, các Cục trực thuộc cơ quan Tổng cục Hải quan là đơn vị dự toán cấp 3 bảo đảm các báo cáo định kỳ về quản lý tài chính và sử dụng tài sản tại đơn vị (bao gồm báo cáo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí) được đầy đủ nội dung theo quy định.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo đầy đủ nội dung: 1 điểm; - Báo cáo không đầy đủ nội dung: 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các báo cáo tài chính kế toán trong năm của các đơn vị. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Cục Tài vụ quản trị.
6.4	Quy chế chi tiêu nội bộ		
6.4.1	Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ	<p>Các Cục Hải quan tỉnh, thành phố, các Cục trực thuộc cơ quan Tổng cục Hải quan là đơn vị dự toán cấp 3 ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quy chế chi tiêu nội bộ của các đơn vị. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Cục Tài vụ quản trị.

STT	Tên lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		<ul style="list-style-type: none"> - Có ban hành: 1 điểm; - Không ban hành: 0 điểm. 	
6.4.2	Thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ	<p>Các Cục Hải quan tỉnh, thành phố, các Cục trực thuộc cơ quan Tổng cục Hải quan là đơn vị dự toán cấp 3 thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đúng: 1 điểm; - Thực hiện chưa đúng: 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm của các đơn vị. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Cục Tài vụ quản trị.
6.5	Thực hiện cơ chế quản lý tài chính và biên chế theo Quyết định số 13/2016/QĐ-TTg ngày 15/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ		
6.5.1	Thực hiện cơ chế quản lý tài chính và biên chế theo Quyết định số 13/2016/QĐ-TTg ngày 15/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ	<p>Các Cục Hải quan tỉnh, thành phố thực hiện cơ chế quản lý tài chính và biên chế theo Quyết định số 13/2016/QĐ-TTg ngày 15/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện 100% theo quy định: 2 điểm; - Thực hiện dưới 100%: 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tình hình thực hiện cơ chế quản lý tài chính và biên chế theo Quyết định số 13/2016/QĐ-TTg ngày 15/3/2016 hàng năm của đơn vị. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Cục Tài vụ quản trị.
7	HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH		
7.1	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản		

STT	Tên lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	lý, điều hành nội bộ		
7.1.1	Sử dụng Hệ thống quản lý văn bản, điều hành (Edoc Customs)	Tính tỷ lệ % giữa số văn bản đến trên Hệ thống Edoc Customs được xử lý, thanh khoản đúng thời hạn trên tổng số văn bản đến trên Hệ thống này. Nếu tỷ lệ này đạt: <ul style="list-style-type: none"> - 100% đúng hạn: 1,5 điểm; - Từ 90% đến dưới 100% đúng hạn: 1 điểm; - Từ 80% đến dưới 90% đúng hạn: 0,5 điểm; - Dưới 80% hoặc không đúng hạn: 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả sử dụng Hệ thống Edoc Customs thể hiện trong Báo cáo CCHC hàng năm của đơn vị. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Tổng cục (cung cấp cho Cục Công nghệ thông tin và thống kê hải quan để chấm thẩm định).
7.1.2	Mức độ cung cấp thông tin trên trang thông tin điện tử của đơn vị	Thông tin thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của đơn vị được đăng tải đầy đủ trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan hoặc Trang thông tin điện tử của đơn vị. Trong đó, các Vụ, Cục thuộc cơ quan Tổng cục có trách nhiệm thường xuyên cung cấp thông tin về lĩnh vực quản lý của đơn vị mình cho Cổng thông tin điện tử Tổng cục Hải quan. <ul style="list-style-type: none"> - Thông tin được đăng tải đầy đủ: 1,5 điểm; - Thông tin được đăng tải chưa đầy đủ: 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp các đường link về các bài viết, thông tin được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan hoặc Trang thông tin điện tử của đơn vị. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Cục Công nghệ thông tin và thống kê hải quan.
7.2	Quản lý, sử dụng Hệ thống VNACCS/VCIS trong giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp		
7.2.1	Bảo đảm tính ổn định,	- Nếu bảo đảm: 2 điểm;	- Văn bản thể hiện nội dung kết quả quản

STT	Tên lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	liên tục	- Nếu không bảo đảm: 0 điểm.	lý, sử dụng Hệ thống VNACCS/VCIS của Cục Hải quan tỉnh, thành phố hàng năm. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Cục Công nghệ thông tin và thống kê hải quan.
7.2.2	Mức độ sử dụng Hệ thống	<p>Tính tỷ lệ % giữa số tờ khai hải quan đã được đăng ký và thông quan trên Hệ thống thông quan tự động trên tổng số tờ khai hải quan phát sinh của đơn vị hàng năm. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 98% đến 100%: 2 điểm; - Từ 95% đến dưới 98%: 1,5 điểm; - Từ 93% đến dưới 95%: 1 điểm; - Từ 90% đến dưới 93%: 0,5 điểm; - Dưới 90%: 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản thể hiện nội dung kết quả quản lý, sử dụng Hệ thống VNACCS/VCIS của Cục Hải quan tỉnh, thành phố hàng năm. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Cục Công nghệ thông tin và thống kê hải quan.
7.3	Thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia		
7.3.1	Mức độ thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia	<p>Tính tỷ lệ % giữa số giấy phép kiểm tra chuyên ngành được thực hiện trên Cơ chế một cửa quốc gia trên tổng số giấy phép kiểm tra chuyên ngành đơn vị tiếp nhận, xử lý hàng năm (đối với những thủ tục kiểm tra chuyên ngành đã được thực hiện trên Cơ chế một cửa quốc gia). Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100%: 3 điểm. - Từ 90% đến dưới 100%: 2 điểm; - Từ 80% đến dưới 90%: 1 điểm; - Từ 70% đến dưới 80%: 0,5 điểm; 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả sử dụng Cơ chế một cửa quốc gia hàng năm của Cục Hải quan tỉnh, thành phố. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Cục Công nghệ thông tin và thống kê hải quan.

STT	Tên lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		- Dưới 70%: 0 điểm.	
7.4	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến		
7.4.1	Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3	Tính tỷ lệ % giữa số hồ sơ TTHC được thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trên tổng số hồ sơ TTHC thực hiện trong năm. Nếu tỷ lệ này đạt: - 50%: 1 điểm; - Từ 40% đến dưới 50%: 0,5 điểm; - Dưới 40%: 0 điểm.	- Văn bản thể hiện nội dung kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến hàng năm của Cục Hải quan tỉnh, thành phố. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Cục Công nghệ thông tin và thống kê hải quan.
7.4.2	Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4	Tính tỷ lệ % giữa số hồ sơ TTHC được thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên tổng số hồ sơ TTHC thực hiện trong năm. Nếu tỷ lệ này đạt: - 30%: 1 điểm; - Từ 20% đến dưới 30%: 0,5 điểm; - Dưới 20%: 0 điểm.	- Văn bản thể hiện nội dung kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến hàng năm của Cục Hải quan tỉnh, thành phố. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Cục Công nghệ thông tin và thống kê hải quan.
7.5	Thu thuế điện tử		
7.5.1	Tỷ lệ thu ngân sách thông qua thu thuế điện tử	Tính tỷ lệ % giữa số thu ngân sách được thực hiện thông qua thu thuế điện tử trên tổng số thu ngân sách hàng năm của Cục Hải quan tỉnh, thành phố. Nếu tỷ lệ này đạt: - Từ 95% đến 100%: 3 điểm. - Từ 90% đến dưới 95%: 2,5 điểm; - Từ 85% đến dưới 90%: 1,5 điểm;	- Văn bản thể hiện nội dung kết quả công tác thu thuế điện tử của Cục Hải quan tỉnh, thành phố hàng năm. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Cục Thuế xuất nhập khẩu (cung cấp cho Cục Công nghệ thông tin và thống kê hải quan để chấm thẩm định).

STT	Tên lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		- Từ 80% đến dưới 85%: 1 điểm; - Dưới 80%: 0 điểm.	
7.6	Xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO		
7.6.1	Xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO	Xây dựng và công bố Hệ thống quản lý chất lượng ISO theo quy định. - Có thực hiện: 2 điểm; - Không thực hiện: 0 điểm.	- Quyết định công bố Hệ thống quản lý chất lượng ISO. - Danh mục quy trình xây dựng quản lý chất lượng ISO. - Văn bản thể hiện nội dung kết quả thực hiện công tác ISO hàng năm của đơn vị. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Tổng cục (cung cấp cho Cục Công nghệ thông tin và thống kê hải quan để chấm thẩm định).

Ghi chú:

- Trường hợp đơn vị có chức năng, nhiệm vụ (tiêu chí thành phần) nhưng trong năm không được cấp có thẩm quyền giao việc hoặc không phát sinh công việc thì đơn vị tự chấm điểm tối đa.

- Trường hợp tài liệu kiểm chứng không có trong hệ thống báo cáo định kỳ của Ngành, đơn vị có thể nộp văn bản có chứa đựng kết quả công tác cần kiểm chứng. Ví dụ: Để chứng minh cho việc thực hiện quy chế làm việc, đơn vị có thể nộp báo cáo kết quả công tác CCHC hàng năm thay vì nộp báo cáo riêng về thực hiện quy chế làm việc vì báo cáo này không có trong hệ thống báo cáo định kỳ của Ngành và kết quả thực hiện quy chế làm việc phải được thể hiện trong báo cáo CCHC hàng năm..../ *tho*